



# ENGLISH GRAMMAR 2

## INTERMEDIATE LEVEL

Unit 4 – Present continuous and present simple 2

*tienganh*





# Present continuous and present simple 2



## CÔNG DỤNG VÀ CẤU TRÚC

A

### NON-PROGRESSIVE VERBS

Các động từ sau thường không dùng với thì hiện tại tiếp diễn.

Like	Want	Need
Prefer	Know	Realize
Understand	Recognize	Believe
Suppose	Remember	Mean
Belong	Fit	Contain
Consist	Seem	

- I'm hungry. I **want** something to eat. (not I'm wanting)
- Do you **understand** what I mean?
- Anna doesn't **seem** very happy right now.

B

### TO THINK

- ❖ Khi think có nghĩa '**believe - tin**' or '**have an opinion - có 1 ý kiến**', chúng ta **KHÔNG** dùng thì hiện tại tiếp diễn:
  - I think Mary is Canadian, but I'm not sure. (not I'm thinking)
  - What do you think of my idea? (= what is your opinion?)
- ❖ Khi think có nghĩa '**consider - xem xét, cân nhắc**', chúng ta có thể dùng thì hiện tại tiếp diễn:
  - I'm thinking about what happened. I often think about it.
  - Nicky is thinking of giving up her job. (= she is considering it)



# Present continuous and present simple 2



## CÔNG DỤNG VÀ CẤU TRÚC

B

### CÁC ĐỘNG TỪ CHỈ CẢM GIÁC SEE, HEAR, SMELL, TASTE, LOOK, FEEL

- ❖ Chúng ta thường dùng thì hiện tại đơn, không phải thì hiện tại tiếp diễn, với các động từ see (thấy) / hear (nghe) / smell (có mùi) / taste (có vị):
  - Do you see that man over there? (not are you seeing)
  - The room smells. Let's open a window.
  - This soup doesn't taste very good.
- ❖ Bạn có thể dùng thì hiện tại đơn hoặc thì hiện tại tiếp diễn để diễn tả dáng vẻ hay cảm xúc của một người vào thời điểm hiện tại:
  - You look well today. or You're looking well today.
  - How do you feel now? or How are you feeling now?but
  - I usually feel tired in the morning. (not I'm usually feeling)

C

### AM/IS/ARE BEING

Bạn có thể dùng “*he's being ...*”, “*you're being ...*” v.v... để diễn tả cách một người đang cư xử ngay tại thời điểm hiện tại:

- I can't understand why he's being so selfish. He isn't usually like that.  
(being selfish = behaving selfishly now)
- 'The path is icy. Don't slip.' 'Don't worry. I'm being very careful.'

#### Compare:

- He never thinks about other people. He's very selfish.  
(= he is selfish generally, not only now)
- I don't like to take risks. I'm a very careful person.

Trong một số trường hợp, chúng ta không thể dùng cấu trúc này:

- Sam is ill. (not is being ill)
- Are you tired? (not are you being tired)



# Present continuous and present simple 2



## CÔNG DỤNG VÀ CẤU TRÚC

C

### NON-PROGRESSIVE VERBS

Ví dụ thêm các động từ không dùng ở thì tiếp diễn:

know	agree	like	dislike	belong	desire	Seem	hear	exist
believe	disagree	appreciate	fear	possess	need	look like	sound	matter
doubt	mean	care about	hate	own	want	resemble		
recognize		please	mind		wish			
remember	consist of	prefer						
suppose	contain		surprise					
understand		promise						
		amaze						



# Present continuous and present simple 2



## CÔNG DỤNG VÀ CẤU TRÚC

C

### NON-PROGRESSIVE VERBS

Ví dụ thêm các động từ thông dụng có cả nghĩa tiếp diễn và không tiếp diễn:

	Non-progressive	Progressive
look	It <b>looks</b> cold outside. ( <i>trạng thái</i> )	Olga <b>is looking</b> out the window. ( <i>hành động</i> )
appear	Jack <b>appears</b> to be tired today. ( <i>trạng thái</i> )	She's <b>appearing</b> on a TV show today. ( <i>hành động</i> )
think	I <b>think</b> that Mr. Liu is a good teacher. ( <i>tin</i> )	I'm <b>thinking</b> about my family right now. ( <i>hành động</i> )
feel	I <b>feel</b> that Mr. Liu is a good teacher. ( <i>giác quan</i> )	I'm <b>feeling</b> a little tired today. ( <i>hành động, tạm thời</i> )
have	I <b>have</b> a bicycle. ( <i>sở hữu</i> )	I'm <b>having</b> a good time. ( <i>trải nghiệm</i> )
see	Do you <b>see</b> that bird? ( <i>giác quan</i> )	The doctor <b>is seeing</b> a patient right now. ( <i>hành động</i> )
taste	The soup <b>tastes</b> salty. ( <i>giác quan</i> )	The chef <b>is tasting</b> the soup. ( <i>hành động</i> )
smell	Something <b>smells</b> bad. What is it? ( <i>giác quan</i> )	Ann <b>is smelling</b> the perfume to see if she wants to buy it. ( <i>hành động</i> )
love	Ken <b>loves</b> his baby daughter. ( <i>cảm xúc</i> )	Ken is enjoying parenthood. In fact, he's <b>loving</b> it! ( <i>hành vi</i> )
be	Mary <b>is</b> old and wise. ( <i>trạng thái</i> )	Al is ill but won't see a doctor. He's <b>being</b> foolish. ( <i>hành vi</i> )



# Present continuous and present simple 2



## THỰC HÀNH NHANH

It's not true. I \_\_\_\_\_ it

- A. am not believing
- B. don't believing
- C. not believe
- D. don't believe

Sarah \_\_\_\_\_ nice to me at the moment. I wonder why.

- A. is
- B. is being
- C. being
- D. be



# Present continuous and present simple 2



## TÓM TẮT

- ❖ Có một số động từ thường không dùng thì hiện tại tiếp diễn như like, want, need, prefer v.v....
- ❖ Với động từ 'to think' khi có nghĩa tin hoặc có ý kiến, chúng ta không dùng thì hiện tại tiếp diễn. Khi 'to think' có nghĩa 'xem xét, cân nhắc,' chúng ta có thể dùng nó với thì hiện tại tiếp diễn.
- ❖ Nhóm các động từ chỉ cảm giác, chúng ta dùng thì hiện tại đơn với see, hear, smell, taste. Riêng với look và see, chúng ta có thể dùng thì hiện tại tiếp diễn để diễn tả cách một ai đó có vẻ hay trông như thế nào vào thời điểm nói.
- ❖ Cấu trúc am/is/are + being ... dùng để chỉ cách một người đang cư xử ở thời điểm hiện tại (thường khác với cách họ thường cư xử hàng ngày)